

E7 – check up for mid term

I. Verb form: (V1/ to V1/ V-ing)

love , like, enjoy, fancy, prefer + _____

would love/ would like + _____

S + find + _____ + adj

S + think + _____ + _____ + adj

spend time + _____

It takes sbd + time + to _____

It's + adj + _____

Simple present and simple future

Simple present	Simple future
Form	Form
Adverbs	Adverbs

Em điền vào ô trống với 2 từ sau: (xác định/ không xác định)

Simple past	Present perfect
past action definite time (thời gian _____)	past action indefinite time (thời gian _____)
nói về người đã mất	hành động từ quá khứ kéo dài đến hiện tại

Adverbs

Simple past:	Present perfect:
...a _____ when + simple past yes _____ I _____ in 1999	alr _____, recently yet before, ever, never lately, so far just since/ for

II. Vocabulary

health problems

cháy nắng

đau bụng

dị ứng

mụn

tăng cân

chuyên gia

người ăn chay

người vô gia cư

cung cấp giáo dục

tổ chức môi trường

tạo sự khác biệt

Fill in the blanks

be _____ with what you eat and drink

compete => (n) _____

decorate=> (n) _____

more >< _____

because >< _____